

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
giữa anh Trần Mạnh C  
và chị Lương Thị H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ông Ngọc Lễ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Vũ Cao Thượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Mạnh C; sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 6, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị H; sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 6, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

*Người làm chứng:* Ông Lương Văn D; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Trần Mạnh C trình bày:

Anh và chị Lương Thị H tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2005. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đó đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho anh được ly hôn chị Lương Thị H.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc T; sinh ngày 18- 6- 2006. Ly hôn, anh C nhường quyền nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng nhận khoán của hợp tác xã: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng là ông Lương Văn D trình bày: Ông là bố đẻ chị Lương Thị H, anh C có đơn xin ly hôn chị H, gia đình ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông tin lại đầy đủ cho chị H nhưng chị H đi làm ăn ở tỉnh Đồng Nai do dịch bệnh Covid -19 nên không thể có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy để làm việc theo thông báo của Tòa án được. Chị H có thông tin lại cho gia đình (qua điện thoại) nội dung chị hoàn toàn nhất trí ly hôn theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh C và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị tiếp tục được nuôi con chung là cháu Trần Ngọc T; sinh ngày 18- 6- 2006, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Trần Ngọc T trình bày nguyện vọng muốn tiếp tục ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 09- 7- 2021, xóm trưởng xóm sở tại, hội phụ nữ cũng như đại diện Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cung cấp: Anh Trần Mạnh C và chị Lương Thị H được Ủy ban nhân dân xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23- 9- 2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết được vì vợ chồng là lao động tự do đi làm ăn xa nhà. Về khả năng đoàn tụ của vợ chồng là khó vì vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay anh C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc T; sinh ngày 18- 6- 2006; nếu Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị nên giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vợ chồng không liên quan gì về tài sản, công nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mạnh C. Về con chung, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần

Ngọc T; sinh ngày 18- 6- 2006 đến tuổi trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Mạnh C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lương Thị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Mạnh C và chị Lương Thị H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định ngày 23- 9- 2005 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị H đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh Trần Mạnh C xin ly hôn chị Lương Thị H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc T; sinh ngày 18- 6- 2006. Xét nguyện vọng của anh C, của con chung, và ý kiến của địa phương xã G1, nay giao cháu Trần Ngọc T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Mạnh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Mạnh C và chị Lương Thị H.

2. Về con chung: Giao chị Lương Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Trần Ngọc T; sinh ngày 18- 6- 2006 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Mạnh C được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Mạnh C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp theo biên lai thu số 0004020 ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Mạnh C và Chị Lương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ông Ngọc Lễ**